

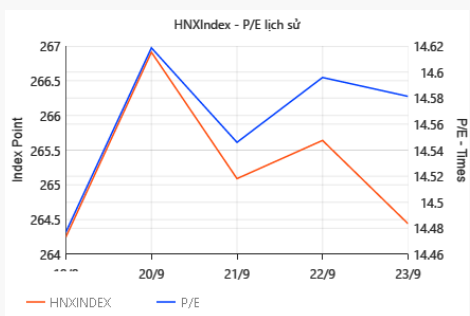


## VN-INDEX



|                                         |          |
|-----------------------------------------|----------|
| Điểm số                                 | 1,203.28 |
| Tuần qua (WoW)                          | -2.49%   |
| Từ đầu năm (YTD)                        | -19.69%  |
| Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên | -3.09%   |
| Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên    | -10.22%  |
| P/E                                     | 12.86    |
| P/B                                     | 1.99     |

## HNX - INDEX



|                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| Điểm số                                 | 264.44  |
| Tuần qua (WoW)                          | -3.09%  |
| Từ đầu năm (YTD)                        | -44.21% |
| Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên | -3.14%  |
| Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên    | -7.41%  |
| P/E                                     | 14.58   |
| P/B                                     | 1.54    |

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

Võ Thế Vinh

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:701

## THẬN TRỌNG TÌM KIẾM CƠ HỘI NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường có ngày thứ hai đầu tuần giảm điểm mạnh sau khi trước đó Chính phủ chính thức ban hành Nghị định 65 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153 về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, khối lượng giao dịch cả ngày cũng là lớn hơn so với mặt bằng chung những ngày trước đó. Dù vậy thì lực bán không được duy trì sau đó, và chúng ta có ngày thứ ba hồi phục nhẹ với khối lượng giao dịch sụt giảm, rồi đến ngày thứ tư với thanh khoản thị trường giảm về mức thấp nhất trong nhiều tháng, biên độ dao động cả ngày cũng rất hẹp. Có lẽ là không quá khi nói rằng thị trường đã tạm dừng hành động khi không lâu sau đó là cuộc họp Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) với những thông tin ảnh hưởng lớn đến chính sách tiền tệ của các quốc gia khác trên thế giới. Và cuộc họp đã truyền đi thông điệp rằng quá trình thắt chặt tiền tệ có thể kéo dài với quyết tâm đánh bại lạm phát. Ngay ngày hôm sau, ngày thứ năm, chúng ta chứng kiến việc Nhật Bản thừa nhận can thiệp vào thị trường ngoại hối lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ để kìm hãm đà mất giá của đồng Yên. Và vào cuối ngày, chúng ta có thông tin chính thức từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) về việc nâng một số loại lãi suất điều hành, cả trên thị trường 2 lần thị trường 1. VNIndex tăng nhẹ trong ngày thứ năm, tưởng như có thể thoát khỏi ảnh hưởng từ Fed và các thị trường quốc tế nhưng đã giảm nhẹ trở lại trong ngày thứ sáu. Khối lượng giao dịch trong cả hai ngày này đều thấp hơn trung bình.

Thực tế thì nền lãi suất trên thị trường 2 lần thị trường 1 của Việt Nam đã tăng từ nhiều tháng trở lại đây và việc SBV chính thức nâng các lãi suất điều hành chỉ là hành động xác nhận quan điểm của mình về sự thắt chặt tiền tệ và mang tính định hướng là chính.

## CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có tuần giảm điểm nhưng diễn biến nhìn chung vẫn trong vùng kiểm soát và chưa bị mất xu hướng hồi phục. Hành động chủ đạo lúc này sẽ là theo dõi. Không cần phải bán cổ phiếu ở vùng giá thấp ở thời điểm hiện tại nếu không quá cấp thiết. Ngược lại, nếu có ý định giải ngân và đủ khả năng chấp nhận thì việc giải ngân ở xung quanh đây có thể được cân nhắc.



## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

### Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN | Giá khi khuyến nghị | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Upside còn lại | Vượt mục tiêu | Tổng biến động |
|-------------|---------------------|--------|---------------------|-------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| BID         | 24/02/22            | 1      | 44,600              | Mua         | 55,000       | 17.0%          | 58.3%          |               | -22.1%         |
| VHM         | 15/02/21            | 3      | 77,730              | Nắm giữ     | 81,800       | 5.2%           | 43.0%          |               | 2.0%           |
| TCB         | 27/01/22            | 1      | 52,400              | Mua         | 64,500       | 23.1%          | 88.6%          |               | -34.7%         |
| NLG         | 23/08/21            | 1      | 36,030              | Nắm giữ     | 34,300       | -4.8%          |                | 3.5%          | -1.5%          |
| MWG*        | 06/08/21            | 3      | 56,500              | Nắm giữ     | 60,650       | 7.3%           |                | 14.4%         | 191.3%         |
| CTG         | 04/08/21            | 1      | 33,200              | Mua         | 38,400       | 15.7%          | 53.6%          |               | -24.7%         |
| VPB*        | 05/02/21            | 2      | 22,820              | Nắm giữ     | 24,670       | 8.1%           |                | 16.5%         | 104.5%         |
| VIB*        | 05/02/21            | 1      | 25,297              | Nắm giữ     | 32,157       | 27.1%          | 44.2%          |               | -11.8%         |
| TPB*        | 05/02/21            | 1      | 19,778              | Nắm giữ     | 25,556       | 29.2%          | 2.0%           |               | 26.7%          |
| PNJ*        | 31/07/20            | 2      | 80,300              | Nắm giữ     | 85,400       | 6.3%           |                | 33.4%         | 126.0%         |
| SBT*        | 02/08/20            | 2      | 20,550              | Nắm giữ     | 24,000       | 16.8%          | 31.6%          |               | -7.6%          |
| QNS*        | 08/02/21            | 1      | 37,200              | Mua         | 54,000       | 45.2%          | 16.1%          |               | 25.0%          |

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

### Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Vùng giá mua    | Giá mục tiêu | Lợi nhuận kỳ vọng | Lãi/Lỗ hiện tại |
|-------------|---------------------|-----------------|--------------|-------------------|-----------------|
| VCB         | 2/8/2022            | 75,000 – 79,000 | 101,000      | 31.20%            | -1.4%           |
| BID         | 2/8/2022            | 37,000 – 40,000 | 52,000       | 35.10%            | -9.7%           |
| MBB         | 2/8/2022            | 21,667 – 22,917 | 30,000       | 34.60%            | -5.8%           |
| VND         | 2/8/2022            | 19,800 – 21,000 | 28,500       | 39.70%            | -9.1%           |
| VCI         | 2/8/2022            | 32,308 – 34,615 | 46,154       | 37.90%            | -2.6%           |
| HPG         | 2/8/2022            | 22,000 – 23,500 | 31,000       | 36.30%            | -0.2%           |
| NKG         | 2/8/2022            | 18,000 – 19,500 | 25,500       | 36.00%            | 12.8%           |
| PVD*        | 8/8/2022            | 17,000 – 18,600 | 22,700       | 27.50%            | 24.7%           |
| LHG         | 12/8/2022           | 37,000 – 40,000 | 58,000       | 50.65%            | -15.7%          |
| SNZ         | 12/8/2022           | 40,400 – 45,000 | 64,000       | 49.88%            | -8.7%           |
| VCI         | 12/8/2022           | 35,385 – 37,692 | 46,154       | 26.32%            | -10.8%          |
| PVS         | 23/8/2022           | 26,800 – 29,000 | 37,000       | 32.62%            | -5.7%           |
| PVC         | 23/8/2022           | 18,800 – 22,200 | 26,700       | 30.24%            | 1.5%            |



## VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 2.5%, mở cửa tuần sát tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa tuần và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có ngày thứ hai đầu tuần giảm điểm mạnh sau khi trước đó Chính phủ chính thức ban hành Nghị định 65 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153 về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, khối lượng giao dịch cả ngày cũng là lớn hơn so với mặt bằng chung những ngày trước đó. Dù vậy thì lực bán không được duy trì sau đó, và chúng ta có ngày thứ ba hồi phục nhẹ với khối lượng giao dịch sụt giảm, rồi đến ngày thứ tư với thanh khoản thị trường giảm về mức thấp nhất trong nhiều tháng, biên độ dao động cả ngày cũng rất hẹp. Có lẽ là không quá khi nói rằng thị trường đã tạm dừng hành động khi không lâu sau đó là cuộc họp Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) với những thông tin ảnh hưởng lớn đến chính sách tiền tệ của các quốc gia khác trên thế giới. Và cuộc họp đã truyền đi thông điệp rằng quá trình thắt chặt tiền tệ có thể kéo dài với quyết tâm đánh bại lạm phát. Ngay ngày hôm sau, ngày



thứ năm, chúng ta chứng kiến việc Nhật Bản thừa nhận can thiệp vào thị trường ngoại hối lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ để kìm hãm đà mất giá của đồng Yên. Và vào cuối ngày, chúng ta có thông tin chính thức từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) về việc nâng một số loại lãi suất điều hành, cả trên thị trường 2 lẫn thị trường 1. VNIndex tăng nhẹ trong ngày thứ năm, tưởng như có thể thoát khỏi ảnh hưởng từ Fed và các thị trường quốc tế nhưng đã giảm nhẹ trở lại trong ngày thứ sáu. Khối lượng giao dịch trong cả hai ngày này đều thấp hơn trung bình.

Thực tế thì nền lãi suất trên thị trường 2 lẫn thị trường 1 của Việt Nam đã tăng từ nhiều tháng trở lại đây và việc SBV chính thức nâng các lãi suất điều hành chỉ là hành động xác nhận quan điểm của mình về sự thắt chặt tiền tệ và mang tính định hướng là chính. Đây là điều không thực sự mới với thị trường và có thể hoàn toàn đã được phản ánh vào giá, dù vậy thì thực tế bức tranh vĩ mô cũng không có gì sáng sủa hơn và những rủi ro phía trước vẫn là hiển hiện. Vùng giá hiện tại có thể được giữ vững nhưng cũng có thể là không, sẽ cần theo dõi thêm, dù với những diễn biến gần nhất cho đến hiện tại, kịch bản tích cực vẫn có xác suất cao hơn.

| Vai trò  | Vùng điểm của VNIndex |
|----------|-----------------------|
| Hỗ trợ   | 1,170                 |
|          | 1,200                 |
|          | 1,250                 |
| Kháng cự | 1,330 – 1,340         |



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### *Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục*

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua      | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-------------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| BMC         | 11/10/21         | 25,200 – 27,200   | 45,200       | 21,100        | 1:3                | 1.1%      | 33,000                | 21.3%                       |
| TNG         | 24/08/21         | 22,833 – 24,120   | 31,833       | 21,481        | 1:3                | 36.8%     | 38,950                | 61.5%                       |
| SLS         | 18/08/21         | 131,000 – 147,000 | 212,000      | 125,000       | 1:3                | 2.0%      | 172,730               | 17.5%                       |
| BWE*        | 16/07/21         | 35,000 – 36,000   | 45,000       | 32,900        | 1:3                | 58.3%     | 62,000                | 72.2%                       |
| LAS*        | 21/06/21         | 13,000 – 14,000   | 19,000       | 11,800        | 1:2.3              | 78.6%     | 27,800                | 98.6%                       |
| ABI*        | 17/06/21         | 45,614 – 49,123   | 65,789       | 42,982        | 1:2.7              | 26.2%     | 68,000                | 38.4%                       |
| VND*        | 09/06/21         | 14,600 – 15,600   | 21,000       | 13,500        | 1:2.5              | 105.1%    | 36,250                | 132.4%                      |
| DPG*        | 31/05/21         | 26,500 – 27,929   | 42,571       | 24,000        | 1:4                | 199.0%    | 97,920                | 250.6%                      |
| GVR         | 28/05/21         | 26,300 – 29,500   | 48,400       | 23,900        | 1:3.5              | 25.1%     | 43,300                | 46.8%                       |
| BID         | 28/05/21         | 36,400 – 38,400   | 51,600       | 33,600        | 1:3                | 15.9%     | 49,950                | 30.1%                       |
| SSI*        | 20/05/21         | 21,000 – 22,300   | 27,850       | 19,700        | 1:2                | 81.6%     | 52,130                | 133.8%                      |
| SGR         | 12/05/21         | 25,500 – 28,500   | 44,000       | 24,000        | 1:3.5              | 35.2%     | 43,550                | 61.3%                       |
| BSR*        | 11/05/21         | 14,900 – 16,100   | 22,000       | 13,600        | 1:2.3              | 100.6%    | 33,500                | 108.1%                      |
| SMC*        | 11/05/21         | 29,000 – 31,250   | 41,670       | 25,850        | 1:2                | 12.6%     | 45,740                | 46.4%                       |
| BCG*        | 12/04/21         | 13,200 – 13,600   | 17,533       | 12,333        | 1:3                | 98.5%     | 28,850                | 112.1%                      |
| GMD*        | 07/04/21         | 33,800 – 35,000   | 53,800       | 32,700        | 1:5                | 68.6%     | 62,200                | 77.7%                       |
| STB*        | 30/03/21         | 19,500 – 21,000   | 28,500       | 18,300        | 1:3                | 61.9%     | 36,700                | 74.8%                       |
| TTF*        | 29/03/21         | 6,900 – 7,500     | 13,000       | 6,200         | 1:4                | 93.3%     | 17,950                | 139.3%                      |
| VIC*        | 26/03/21         | 96,900 – 101,300  | 128,900      | 95,100        | 1:4.5              | 6.6%      | 129,690               | 28.0%                       |
| VCB         | 18/03/21         | 74,530 – 76,250   | 97,000       | 72,700        | 1:6                | 18.0%     | 96,000                | 25.9%                       |
| GEG*        | 08/03/21         | 15,610 – 16,650   | 24,245       | 14,580        | 1:4                | 47.1%     | 27,360                | 35.1%                       |
| FCN*        | 08/03/21         | 13,700 – 14,700   | 21,700       | 13,100        | 1:4.5              | 97.3%     | 37,000                | 151.7%                      |
| PVD*        | 05/03/21         | 23,500 – 25,500   | 40,000       | 21,900        | 1:4                | 41.6%     | 33,580                | 58.0%                       |
| TIG*        | 05/03/21         | 7,545 – 8,455     | 13,636       | 7,273         | 1:4.5              | 172.0%    | 28,800                | 240.6%                      |
| GAS*        | 17/02/21         | 80,000 – 83,500   | 117,000      | 73,700        | 1:3.5              | 44.9%     | 130,440               | 56.2%                       |
| CNG*        | 17/02/21         | 19,900 – 21,000   | 29,500       | 18,600        | 1:3.5              | 119.0%    | 49,100                | 133.8%                      |
| CCL*        | 17/02/21         | 8,930 – 9,820     | 16,070       | 7,770         | 1:3                | 73.1%     | 18,570                | 89.1%                       |
| SAM*        | 17/02/21         | 10,730 – 11,590   | 21,555       | 9,770         | 1:5                | 81.2%     | 28,260                | 143.8%                      |
| LAF*        | 27/01/21         | 12,800 – 14,500   | 21,500       | 11,800        | 1:2.5              | 57.9%     | 27,000                | 86.2%                       |
| VSH*        | 25/01/21         | 18,000 – 19,700   | 30,000       | 16,900        | 1:3.5              | 132.0%    | 48,000                | 143.7%                      |
| MSR*        | 21/12/20         | 19,000 – 21,000   | 31,000       | 17,800        | 1:3                | 40.5%     | 34,300                | 63.3%                       |
| SFI*        | 09/12/20         | 29,200 – 31,000   | 46,500       | 27,700        | 1:5                | 153.2%    | 88,260                | 184.7%                      |
| PGV*        | 23/11/20         | 12,510 – 13,462   | 22,510       | 11,271        | 1:4                | 174.8%    | 42,290                | 85.6%                       |
| CKG*        | 19/11/20         | 8,230 – 8,650     | 11,300       | 7,890         | 1:3.5              | 283.8%    | 41,800                | 383.2%                      |
| DRI*        | 20/10/20         | 4,030 – 4,530     | 9,530        | 3,230         | 1:4                | 312.8%    | 20,780                | 358.7%                      |
| CEO*        | 06/04/21         | 13,000 – 13,700   | 19,000       | 11,900        | 1:3                | 508.0%    | 100,000               | 629.9%                      |
| DIG*        | 08/04/21         | 25,667 – 26,522   | 40,211       | 23,186        | 1:4                | 322.3%    | 125,200               | 372.1%                      |
| IDC*        | 28/05/21         | 36,000 – 38,500   | 56,000       | 33,000        | 1:3                | 55.1%     | 59,700                | 55.1%                       |
| SGP*        | 01/12/20         | 10,500 – 11,000   | 18,500       | 9,500         | 1:5                | 281.8%    | 42,000                | 281.8%                      |
| SMC*        | 30/10/20         | 11,200 – 12,000   | 16,000       | 11,000        | 1:4                | 33.3%     | 25,500                | 112.5%                      |
| G36*        | 05/11/20         | 9,160 – 9,830     | 13,300       | 8,770         | 1:3                | 35.3%     | 14,700                | 49.5%                       |
| LSS*        | 17/11/20         | 7,100 – 7,500     | 12,000       | 6,400         | 1:4                | 60.0%     | 12,100                | 61.3%                       |
| POS*        | 18/11/20         | 11,500 – 12,000   | 19,000       | 9,950         | 1:2.5              | 50.8%     | 20,500                | 62.7%                       |
| SAC*        | 01/12/20         | 8,800 – 9,500     | 14,700       | 8,300         | 1:4                | 54.7%     | 16,400                | 72.6%                       |

#### *Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm*

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua  | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|---------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| LDG         | 22/10/20         | 6,600 – 6,800 | 10,300       | 6,100         | 1:5                | 23.1%     | 8,370                 | 23.1%                       |
| HAG         | 13/11/20         | 4,500 – 4,700 | 8,000        | 4,250         | 1:7                | 0.0%      | 6,450                 | 37.2%                       |
| PXS         | 17/11/20         | 6,000 – 6,400 | 11,000       | 5,300         | 1:4                | 0.0%      | 9,000                 | 40.6%                       |



### Các trạng thái đã cắt lỗ

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua    | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Mức lỗ | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|--------|-----------------------|-----------------------------|
| VSH         | 09/11/20         | 20,500 – 21,000 | 30,000       | 18,900        | 1:4                | -10.0% | 19,281                | -8.2%                       |
| MFS         | 30/12/20         | 27,300 – 29,000 | 39,000       | 26,300        | 1:4                | -9.3%  | 33,900                | 16.9%                       |
| BWE         | 30/12/20         | 30,800 – 33,300 | 42,800       | 29,300        | 1:2.3              | -12.0% | 33,765                | 1.4%                        |
| CMX         | 31/12/20         | 17,000 – 18,500 | 25,000       | 16,200        | 1:3                | -12.4% | 20,000                | 8.1%                        |

## 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

### Các mã đã rút khỏi Danh mục

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Lợi nhuận | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|---------------------|---------------------|--------------|----------------|-----------|-----------------------------|
| TDM*        | 30/07/21            | 30,050              | 40,000       | 33.1%          | 32.8%     | 41.1%                       |
| HAH*        | 03/08/21            | 34,300              | 42,100       | 22.7%          | 268.1%    | 469.9%                      |
| OCB*        | 02/08/21            | 24,300              | 27,700       | 14.0%          | 25.5%     | 53.0%                       |
| SZC*        | 23/04/21            | 35,750              | 41,000       | 14.7%          | 38.1%     | 144.3%                      |
| DHC*        | 30/10/20            | 34,440              | 38,760       | 17.1%          | 88.7%     | 171.2%                      |
| ACB*        | 05/02/21            | 22,830              | 29,110       | 27.5%          | 58.3%     | 69.8%                       |
| MBB*        | 11/06/21            | 29,185              | 32,593       | 11.7%          | 113.3%    | 175.7%                      |

### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu cũ | Upside ban đầu | Tổng mức biến động | Ngày đóng khuyến nghị | Giá mục tiêu mới | Điều chỉnh giá mục tiêu |
|-------------|---------------------|---------------------|-----------------|----------------|--------------------|-----------------------|------------------|-------------------------|
| VHM*        | 31/05/21            | 75,820              | 75,550          | 0%             | 38.6%              | 15/02/22              | 81,800           | +8.3%                   |
| MWG*        | 08/02/21            | 128,500             | 154,500         | 20.2%          | 133.4%             | 06/08/21              | 184,000          | +19.1%                  |
| VHM*        | 16/11/20            | 76,600              | 88,315          | 15.3%          | 33.9%              | 31/5/21               | 102,300          | +15.8%                  |
| HAH*        | 31/05/21            | 28,200              | 35,100          | 24.5%          | 105.5%             | 03/08/21              | 60,000           | +70.9%                  |
| OCB*        | 20/05/21            | 20,720              | 24,800          | 19.7%          | 17.3%              | 02/08/21              | 27,700           | +11.7%                  |
| HAH         | 02/04/21            | 24,650              | 29,800          | 20.9%          | 14.4%              | 31/05/21              | 35,100           | +17.8%                  |
| MBB*        | 05/02/21            | 39,400              | 27,000          | 9.1%           | 130.6%             | 11/06/21              | 44,000           | +62.9%                  |
| SBT*        | 02/11/20            | 18,500              | 22,200          | 20.0%          | 11.1%              | 08/02/21              | 24,000           | +8.1%                   |
| ACB*        | 28/09/20            | 22,500              | 27,400          | 27.5%          | 26.7%              | 05/02/21              | 36,350           | +32.7%                  |
| VPB*        | 28/09/20            | 22,800              | 27,400          | 20.2%          | 62.3%              | 05/02/21              | 40,000           | +46.0%                  |
| MBB*        | 28/09/20            | 17,087              | 20,000          | 17.0%          | 44.8%              | 05/02/21              | 27,000           | +35.0%                  |
| MWG*        | 31/07/20            | 73,470              | 123,000         | 67.4%          | 74.9%              | 08/02/21              | 154,500          | +25.6%                  |
| PNJ*        | 31/07/20            | 51,000              | 74,200          | 45.5%          | 58.6%              | 08/02/21              | 86,000           | +15.9%                  |

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



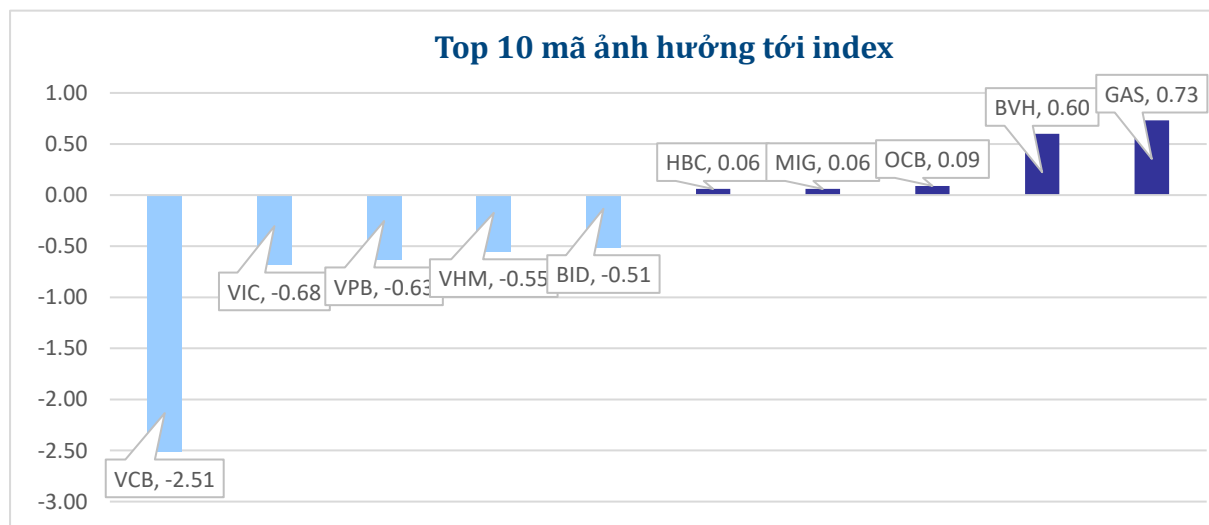
## FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN BIẾN ĐỘNG NGÀY

| Chỉ số        | Điểm số  | Biến động | Điểm   | Khối lượng GD (triệu CP) | Giá trị GD (tỷ đồng) | Số mã tăng | Số mã không đổi | Số mã giảm |
|---------------|----------|-----------|--------|--------------------------|----------------------|------------|-----------------|------------|
| VN - Index    | 1,203.28 | -0.94%    | -11.42 | 485.38                   | 11,293.0             | 162        | 77              | 287        |
| Vn30 - Index  | 1,215.41 | -1.10%    | -13.53 | 106.79                   | 3,702.1              | 2          | 1               | 27         |
| Vn - Mid      | 1,626.68 | -0.99%    | -16.33 | 200.80                   | 5,014.1              | 15         | 3               | 52         |
| VN - Small    | 1,465.51 | -0.57%    | -8.42  | 96.12                    | 1,746.8              | 88         | 31              | 98         |
| HNX - Index   | 264.44   | -0.45%    | -1.20  | 56.08                    | 1,089.0              | 73         | 71              | 193        |
| Upcom - Index | 88.59    | 0.40%     | 0.04   | 49.87                    | 572.1                | 206        | 103             | 139        |

## THANH KHOẢN NGÀY

| Sàn | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thay đổi so với phiên trước | Khối lượng giao dịch (triệu CP) | Thay đổi so với phiên trước |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| HSX | 11,293.00                   | -99.03%                     | 485.38                          | 2.50%                       |
| HNX | 1,089.00                    | -88.86%                     | 56.08                           | -85.68%                     |

## CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



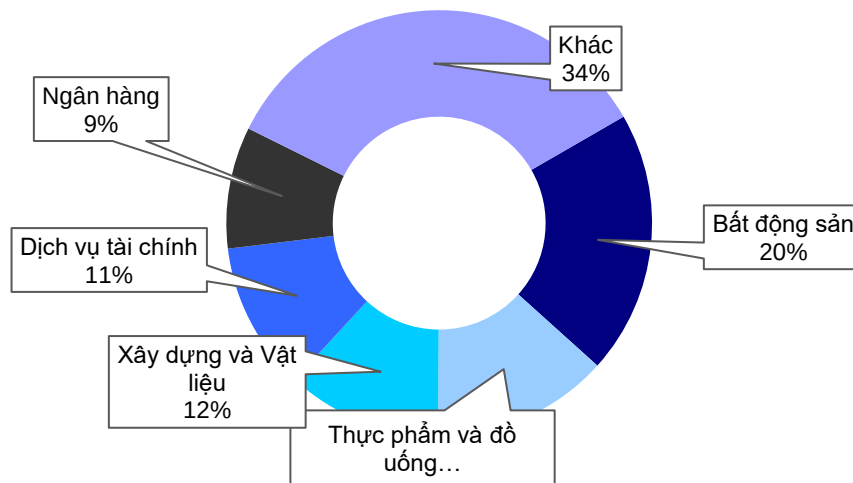
| Top KLGD (triệu cổ phiếu) | Top GTGD (tỷ đồng) | Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên) | Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) |
|---------------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|
| HAG 38.86                 | HAG 553.4          | BMI 495%                             | BMI 7.0%                                   | IDI -4.8%                                  |
| VND 15.98                 | HPG 335.6          | BVH 349%                             | MIG 6.8%                                   | HAH -4.0%                                  |
| HPG 14.59                 | DXG 322.3          | VSC 323%                             | BVH 5.8%                                   | DXG -3.9%                                  |
| DXG 12.76                 | VND 300.6          | BSI 268%                             | CKG 5.7%                                   | HDC -3.6%                                  |
| SSI 10.81                 | VPB 286.7          | HBC 242%                             | HBC 4.8%                                   | VCI -3.3%                                  |



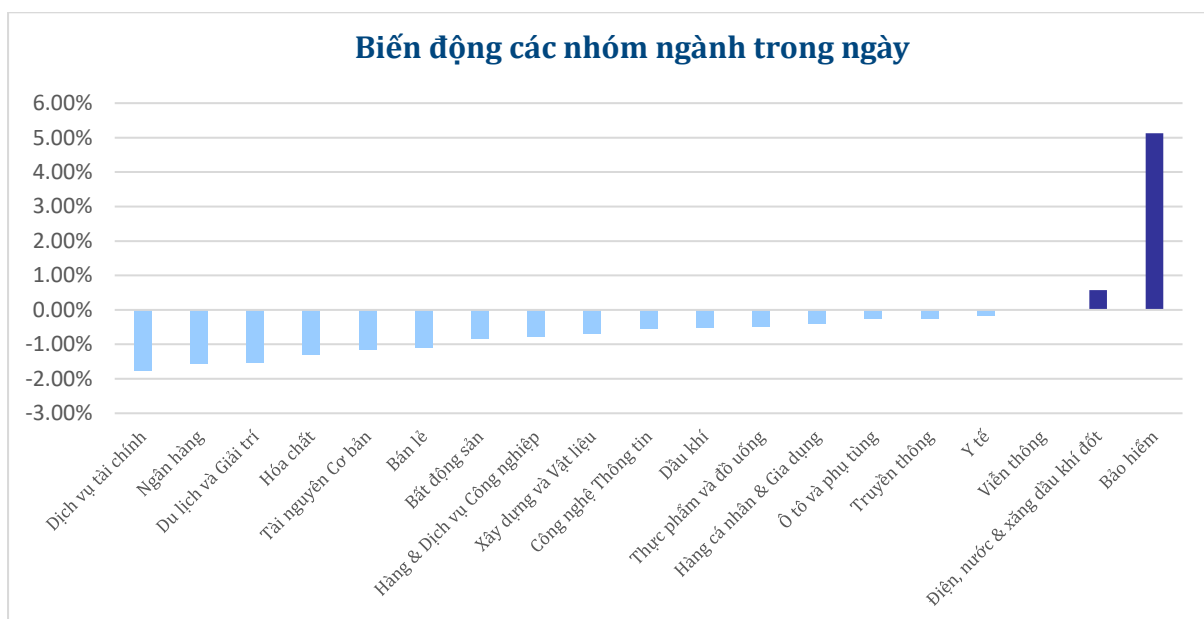


## NHÓM NGÀNH

**Thanh khoản ngành trong ngày**



**Biến động các nhóm ngành trong ngày**



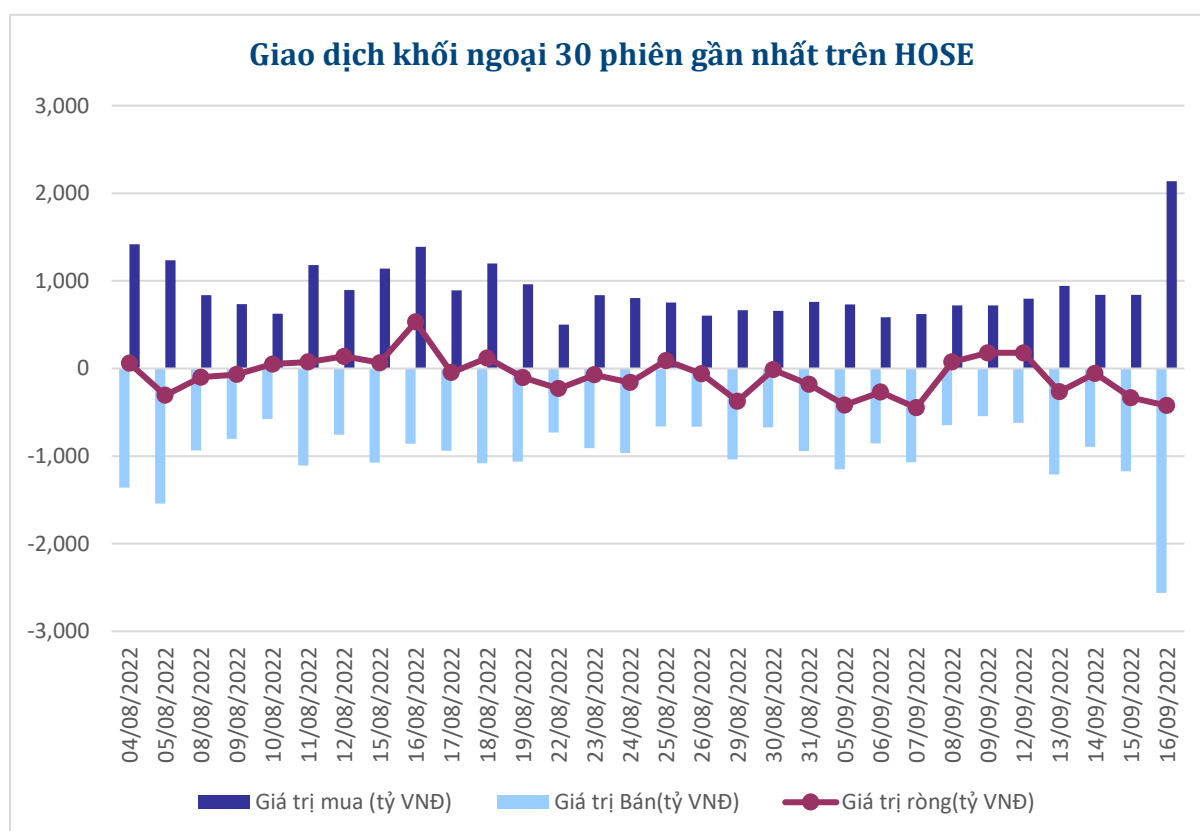




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

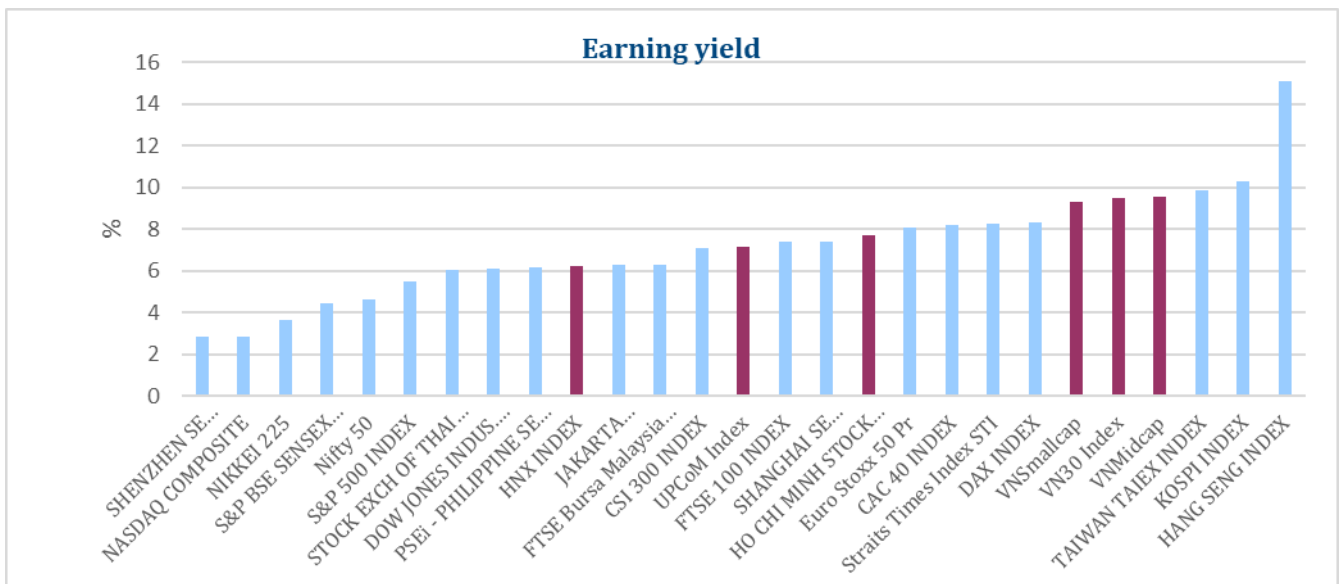
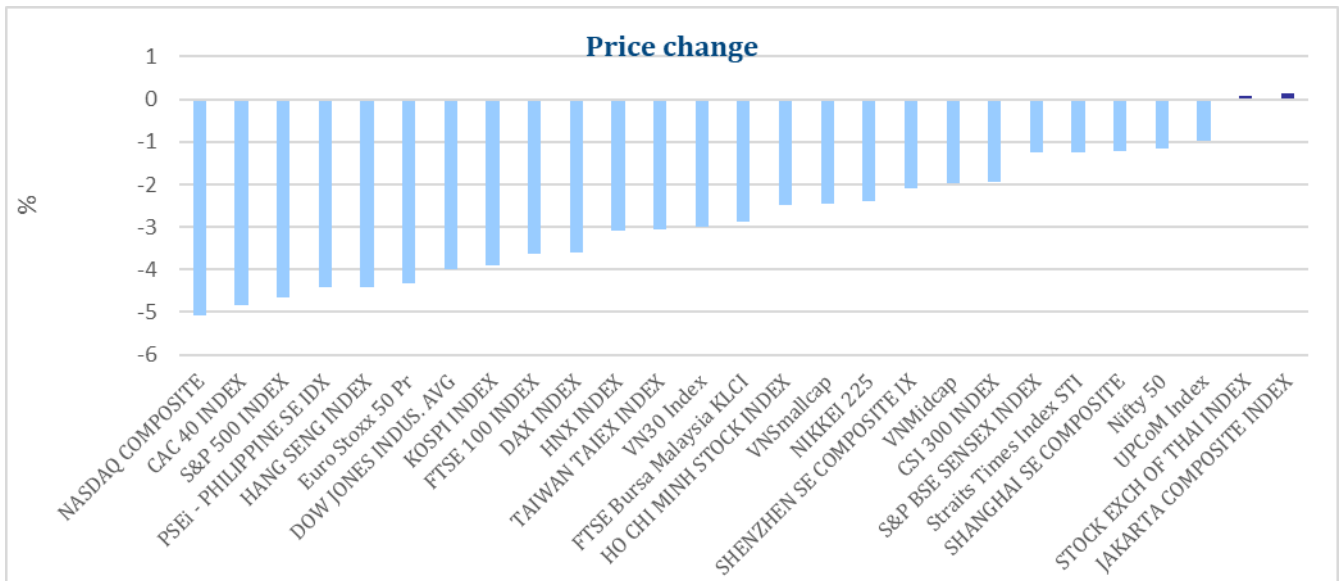
Trên HOSE bán ròng 328.65 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 4.18 tỷ đồng.

| Top CP mua ròng | Giá trị mua ròng (tỷ đồng) | Top CP bán ròng | Giá trị bán ròng (tỷ đồng) |
|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
| HPG             | 31.67                      | VND             | 60.44                      |
| BSI             | 22.33                      | MSN             | 55.59                      |
| VNM             | 17.26                      | KDH             | 39.08                      |
| HDG             | 8.36                       | STB             | 33.48                      |
| FUESSVFL        | 6.03                       | VCB             | 31.66                      |





## BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

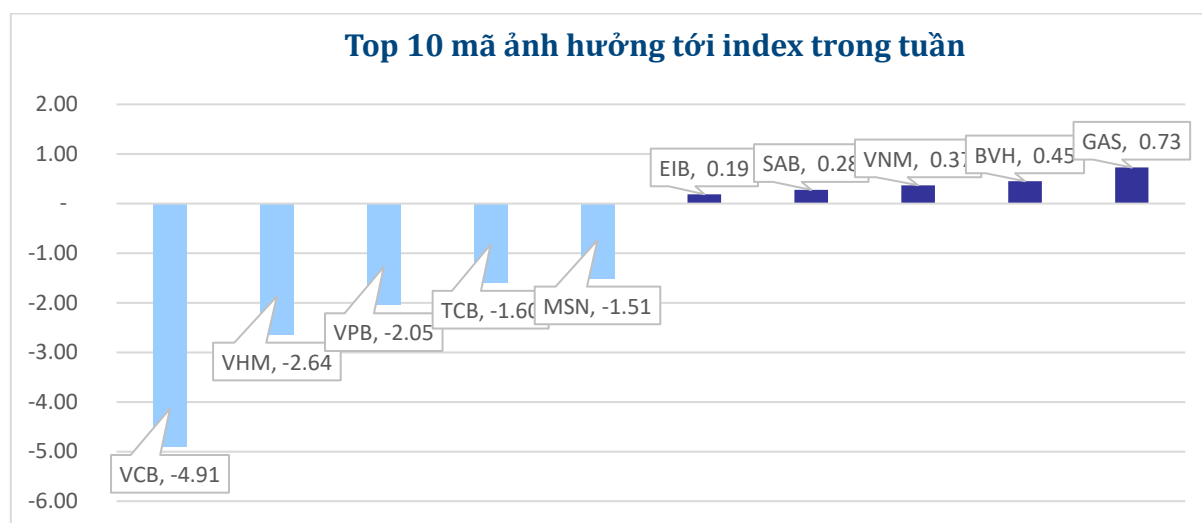


## ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



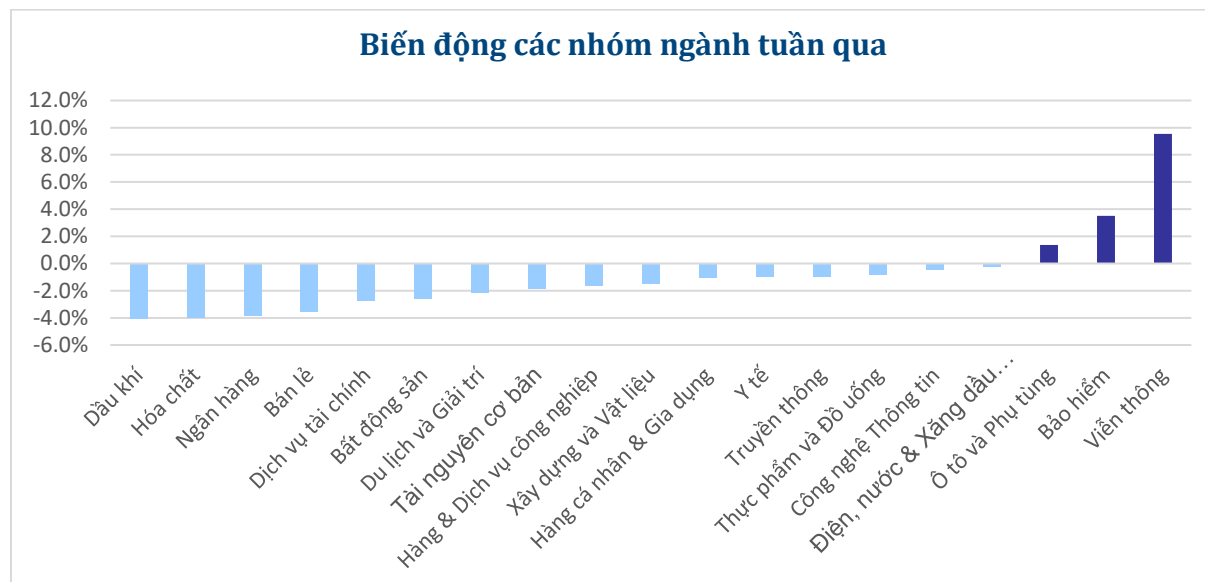


## CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



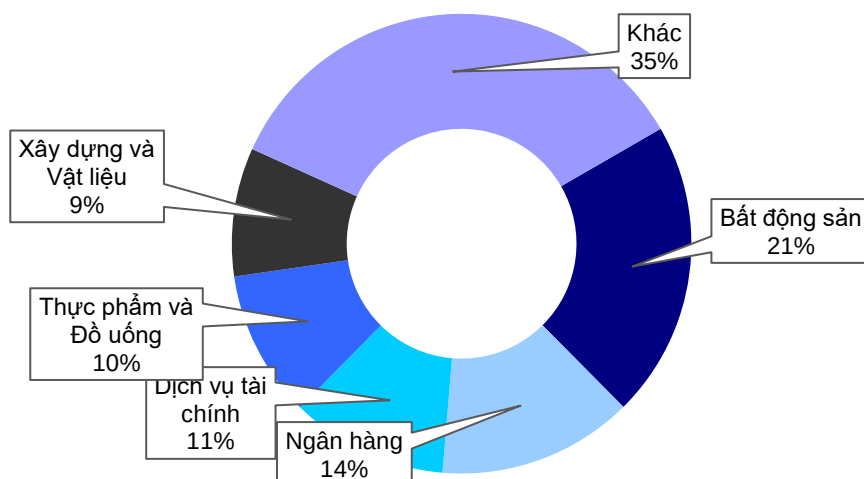
| Top KLGD (triệu cp/phần) |      | Top GTGD (tỷ đồng/phần) |       | Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần |        | Top tăng điểm với thanh khoản cao |       | Top giảm điểm với thanh khoản cao |        |
|--------------------------|------|-------------------------|-------|-----------------------------------------------|--------|-----------------------------------|-------|-----------------------------------|--------|
| HAG                      | 24.2 | VPB                     | 346.9 | DTE                                           | 12.60x | PVB                               | 12.9% | DTE                               | -20.0% |
| VND                      | 16.3 | HPG                     | 343.5 | PVB                                           | 3.16x  | LCG                               | 8.9%  | HAH                               | -12.9% |
| POW                      | 15.0 | HAG                     | 335.6 | PLC                                           | 2.95x  | HHV                               | 8.4%  | DPG                               | -11.7% |
| HPG                      | 15.0 | SSI                     | 301.2 | HHV                                           | 2.93x  | BSI                               | 8.1%  | HDC                               | -10.0% |
| SSI                      | 14.6 | VND                     | 300.9 | VEA                                           | 2.52x  | PLC                               | 7.6%  | GIL                               | -8.5%  |

## NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

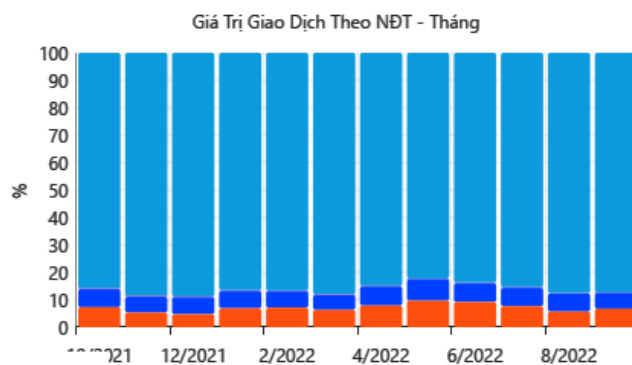
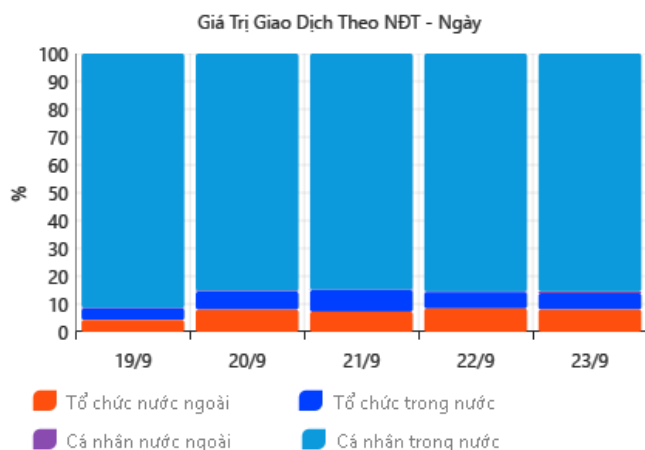


### DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

| Top giao dịch của Cá nhân |             |                   | Top giao dịch của Tổ chức |             |                   |
|---------------------------|-------------|-------------------|---------------------------|-------------|-------------------|
| Mã                        | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) | Mã                        | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) |
| NVL                       | -2.20%      | 5,104.4           | MWG                       | -3.61%      | 1,112.0           |
| VPB                       | -5.89%      | 3,638.9           | HPG                       | -1.30%      | 950.0             |
| HAG                       | 2.21%       | 3,296.6           | MBB                       | -3.67%      | 826.4             |
| SSI                       | -2.36%      | 2,824.9           | VHM                       | -4.03%      | 776.3             |
| VND                       | -2.37%      | 2,802.6           | FUEVFN                    | -3.67%      | 568.6             |

#### Tỷ trọng giao dịch

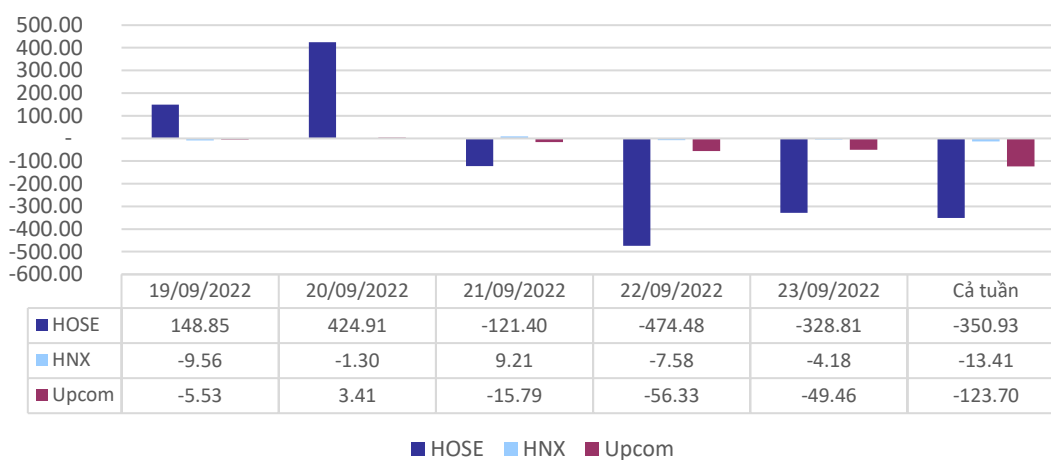




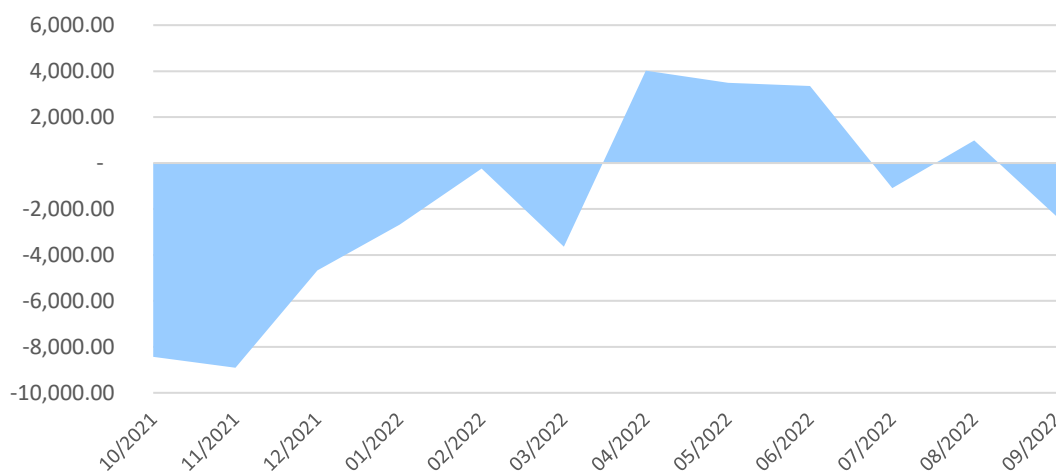
## KHỐI NGOẠI

| Top khối ngoại mua ròng |             |                   | Top khối ngoại bán ròng |             |                   |
|-------------------------|-------------|-------------------|-------------------------|-------------|-------------------|
| Mã                      | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) | Mã                      | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) |
| HPG                     | -1.30%      | 270.20            | KDH                     | -7.67%      | 166.85            |
| DGC                     | -4.10%      | 98.61             | FUEVFNVD                | -3.67%      | 127.30            |
| VNM                     | 0.92%       | 93.33             | VND                     | -2.37%      | 120.54            |
| VIC                     | 0.16%       | 73.99             | NLG                     | -7.79%      | 117.86            |
| BSI                     | 8.15%       | 35.29             | CII                     | -2.25%      | 81.79             |

### Hoạt động khối ngoại trong tuần



### Giao dịch NĐTNN 12 tháng gần nhất

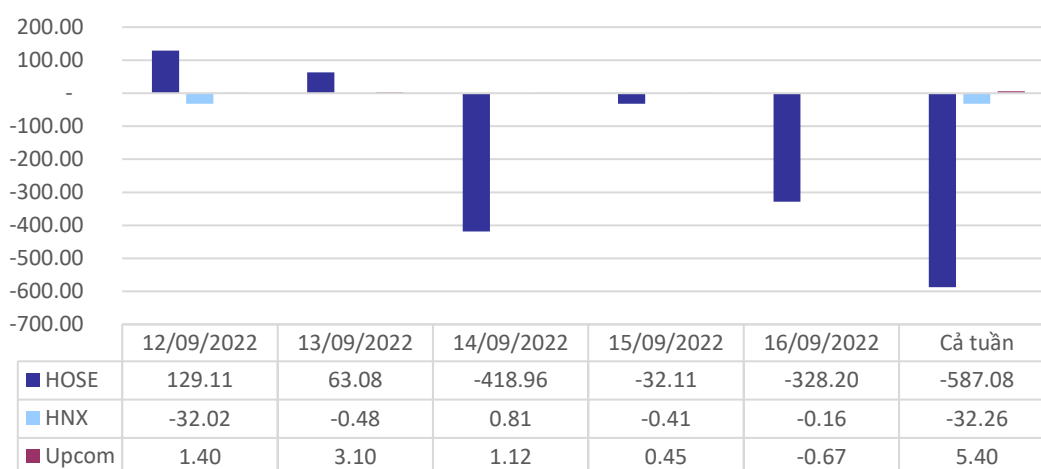




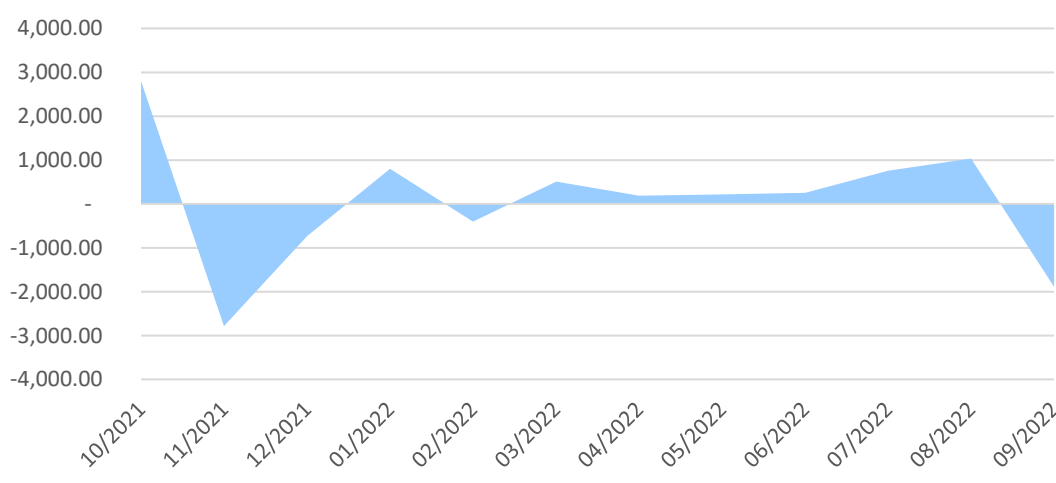
## KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| Top Tự doanh Mua ròng |             |                   | Top Tự doanh Bán ròng |             |                   |
|-----------------------|-------------|-------------------|-----------------------|-------------|-------------------|
| Mã                    | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) | Mã                    | Thay đổi 1w | Giá trị (tỷ đồng) |
| FUEVFVND              | -3.67%      | 108.57            | MWG                   | -3.61%      | 87.16             |
| BCM                   | -3.37%      | 96.78             | VPB                   | -5.89%      | 75.18             |
| MSN                   | -3.72%      | 53.92             | VCI                   | -6.59%      | 74.09             |
| VCB                   | -5.13%      | 10.82             | NLG                   | -7.79%      | 67.97             |
| VHC                   | -7.11%      | 9.51              | EIB                   | 1.76%       | 61.06             |

Giao dịch Tự doanh trong tuần



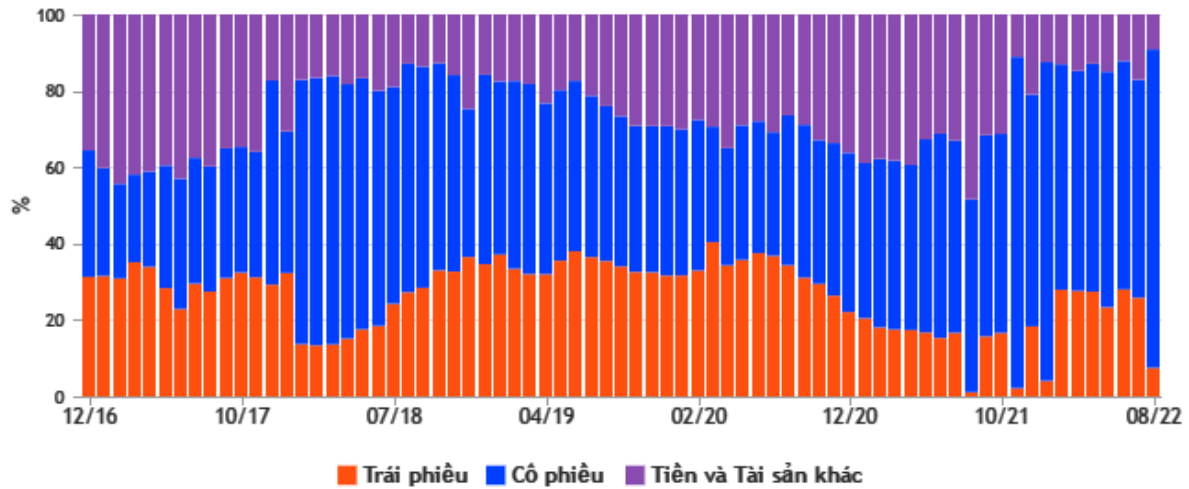
Giao dịch Tự doanh 12 tháng gần nhất



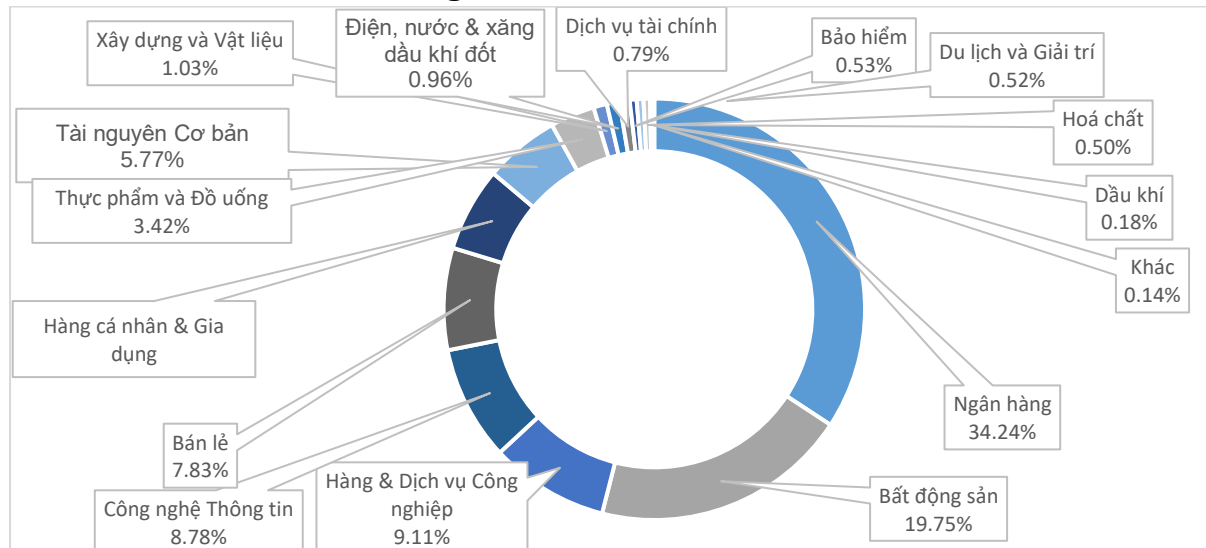


## TỔ CHỨC (do finrpo flatform theo dõi)

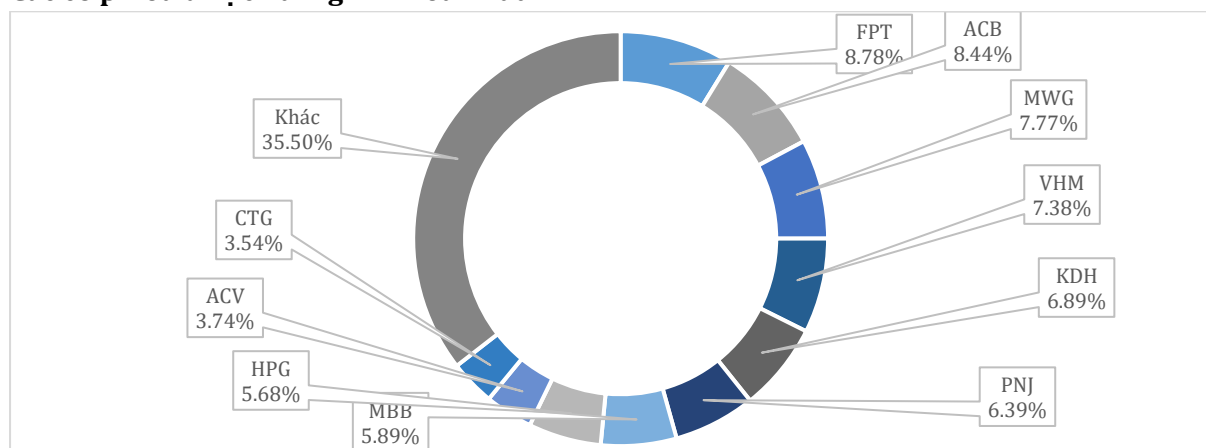
### Phân bổ tài sản



### Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



### Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất







## LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

| MÃ CK | SÀN   | NỘI DUNG SỰ KIẾN                                                 | NGÀY GD KHQ | NGÀY ĐK CC | NGÀY THỰC HIỆN |
|-------|-------|------------------------------------------------------------------|-------------|------------|----------------|
| VTZ   | HNX   | Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022                         | 26/09/22    | 27/09/22   | 26/09/22       |
| DNC   | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)                            | 26/09/22    | 27/09/22   | 14/10/22       |
| HTC   | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)                              | 26/09/22    | 27/09/22   | 13/10/22       |
| ILA   | Upcom | ĐHCD bất thường 2022                                             | 26/09/22    | 27/09/22   | 26/09/22       |
| CDC   | HSX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ    | 26/09/22    | 27/09/22   | 26/09/22       |
| AGX   | Upcom | Trả cổ tức (1.000 đ/cp)                                          | 26/09/22    | 27/09/22   | 05/10/22       |
| TRT   | Upcom | Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)                                 | 26/09/22    | 27/09/22   | 20/10/22       |
| DQC   | HSX   | Chi trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)                               | 27/09/22    | 28/09/22   | 14/10/22       |
| ACG   | Upcom | Ngày giao dịch cuối cùng của 135.846.122 cổ phiếu                | 27/09/22    | 27/09/22   | 27/09/22       |
| QHW   | Upcom | Trả cổ tức (1.200 đ/cp)                                          | 27/09/22    | 28/09/22   | 10/10/22       |
| DTD   | HNX   | Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:18), bán ưu đãi (tỷ lệ 5:1)        | 27/09/22    | 28/09/22   | 27/09/22       |
| VGC   | HSX   | Tạm ứng cổ tức năm 2022 (1.000 đ/cp)                             | 27/09/22    | 28/09/22   | 19/10/22       |
| VET   | Upcom | Trả cổ tức năm 2021 (2.662 đ/cp)                                 | 27/09/22    | 28/09/22   | 14/10/22       |
| HDB   | HSX   | Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:25)                               | 27/09/22    | 28/09/22   | 27/09/22       |
| TAG   | Upcom | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                  | 27/09/22    | 28/09/22   | 24/10/22       |
| TDM   | HSX   | ĐHĐCĐ bất thường năm 2022                                        | 27/09/22    | 28/09/22   | 27/09/22       |
| PGD   | HSX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                  | 27/09/22    | 28/09/22   | 27/09/22       |
| KST   | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (616 đ/cp)                              | 27/09/22    | 28/09/22   | 20/10/22       |
| BAM   | Upcom | Ngày GD cuối cùng của 30.000.000 cổ phiếu                        |             |            | 27/09/22       |
| BCG   | HSX   | Giao dịch 30.162.185 cổ phiếu thay đổi niêm yết                  |             |            | 28/09/22       |
| SCL   | Upcom | Giao dịch 1.888.915 cổ phiếu ĐKGD bổ sung                        | 28/09/22    | 28/09/22   | 28/09/22       |
| VPB   | HSX   | Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 2:1)           | 28/09/22    | 29/09/22   | 28/09/22       |
| HTL   | HSX   | Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)                             | 28/09/22    | 29/09/22   | 17/10/22       |
| DAT   | HSX   | Giao dịch 7.728.687 cp niêm yết bổ sung                          |             | 14/09/22   | 28/09/22       |
| VSC   | HSX   | Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.000 đ/cp)                       | 28/09/22    | 29/09/22   | 18/10/22       |
| DWS   | Upcom | Trả cổ tức (570 đ/cp)                                            | 28/09/22    | 29/09/22   | 10/10/22       |
| LAI   | Upcom | Trả cổ tức năm 2021 (1.800 đ/cp)                                 | 29/09/22    | 30/09/22   | 20/10/22       |
| HCT   | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (150 đ/cp)                              | 29/09/22    | 30/09/22   | 20/10/22       |
| CNG   | HSX   | Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.000 đ/cp)                     | 29/09/22    | 30/09/22   | 20/10/22       |
| ICN   | Upcom | Trả cổ tức năm 2022 (4.500 đ/cp)                                 | 29/09/22    | 30/09/22   | 31/10/22       |
| LGC   | HSX   | Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (400 đ/cp)                         | 29/09/22    | 30/09/22   | 31/10/22       |
| AAV   | HNX   | Giao dịch đầu tiên 2.331.481 cổ phiếu niêm yết bổ sung           |             |            | 29/09/22       |
| DSD   | Upcom | ĐHCD bất thường năm 2022                                         | 29/09/22    | 30/09/22   | 31/10/22       |
| WTC   | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)                            | 29/09/22    | 30/09/22   | 12/10/22       |
| HBC   | HSX   | Giao dịch 17.187.416 cp niêm yết bổ sung                         |             | 20/09/22   | 29/09/22       |
| TKA   | Upcom | Trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)                                 | 30/09/22    | 03/10/22   | 17/10/22       |
| SZE   | Upcom | Trả cổ tức năm 2021 (800 đ/cp)                                   | 30/09/22    | 03/10/22   | 21/10/22       |
| KHW   | Upcom | trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp), thưởng cổ phiếu (tỷ lệ 100:10) | 30/09/22    | 03/10/22   | 14/10/22       |
| LHC   | HNX   | Giao dịch đầu tiên 7.200.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung           |             |            | 30/09/22       |
| SPC   | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)                            | 30/09/22    | 03/10/22   | 26/10/22       |
| ITC   | HSX   | Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:10)                           | 30/09/22    | 03/10/22   | 30/09/22       |



### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Khuyến nghị          | Định nghĩa                                                                                      |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mua</b>           | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực              |
| <b>Tích lũy</b>      | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ $5\%$ đến $15\%$<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực      |
| <b>Trung lập</b>     | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ $-5\%$ đến $5\%$<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập     |
| <b>Giảm tỷ trọng</b> | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ $-15\%$ to $-5\%$<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |
| <b>Bán</b>           | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn $-15\%$<br>Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực      |

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Xếp loại            | Định nghĩa                                                                                                |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Vượt trội</b>    | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn $5\%$<br>Hoặc triển vọng ngành tích cực        |
| <b>Trung lập</b>    | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ $-5\%$ đến $5\%$<br>Hoặc triển vọng ngành trung lập |
| <b>Kém hiệu quả</b> | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn $-5\%$<br>Hoặc triển vọng ngành kém tích cực   |

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)  
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM)

| LIÊN HỆ                                                                                                                            | TRỤ SỞ CHÍNH<br>HÀ NỘI          | CHI NHÁNH<br>TP. HCM                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Điện thoại tư vấn:<br>(024) 35.730.073                                                                                             | P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower    | Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường<br>Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM |
| Điện thoại đặt lệnh:<br>(024) 35.779.999                                                                                           | Điện thoại:<br>(024) 35.730.073 | Điện thoại:<br>(028) 38.239.966                             |
| Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a><br>Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a> | Fax: (024) 35.730.088           | Fax: (028) 38.239.696                                       |